

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 135/2024/DS-PT

Ngày: 20 - 08 - 2024

“*V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Ái Loan

Ông Ngô Đê

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 07 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 16/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Trương Ngân G, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trương Ngân G: Ông Huỳnh Việt T, sinh năm 1982, địa chỉ: ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản uỷ quyền ngày 19/08/2024, có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Kim Thị C, sinh năm 1977, có mặt.

Địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh K, chức vụ: Chi cục trưởng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch P - Chức danh: Chấp hành viên, theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2024, có mặt.

Địa chỉ trụ sở: Khóm E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người kháng cáo: 1. Ông Trương Ngân G là nguyên đơn trong vụ án;
2. Bà Kim Thị C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Việt T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và có yêu cầu như sau:

Ngày 26/6/2023 ông Trương Ngân G có thoả thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Kim Thị C 02 thửa đất: Thửa số 682, diện tích 1.130m², tờ bản đồ số 10 và thửa số 216, diện tích 2.304,5m², tờ bản đồ số 41, cùng tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh với giá bằng 515.175.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật, sau khi chứng thực tại Phòng công chứng Trần Văn K1, ông G đã giao đủ số tiền bằng 515.175.000 đồng cho bà Kim Thị C. Tuy nhiên, đến nay giữa ông G và bà C không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng, lý do Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành cho rằng đã kê biên để đảm bảo cho việc Thi hành án đối với 11 quyết định công nhận kết quả hòa giải đối thoại thành tại Tòa án và 01 Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Nay ông Huỳnh Việt T là người đại diện theo uỷ quyền của ông Trương Ngân G yêu cầu Toà án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Kim Thị C với ông Trương Ngân G. Trường hợp bà C không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà Kim Thị C phải có trách nhiệm trả lại cho ông G số tiền 515.175.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Kim Thị C trình bày và có yêu cầu như sau:

Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Huỳnh Việt T – đại diện cho ông Trương Ngân G về sự việc ngày 26/6/2023 bà có lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Trương Ngân G 02 thửa đất: Thửa số 682, diện tích 1.130m², tờ bản đồ số 10 và thửa số 216, diện tích 2.304,5m², tờ bản đồ số 41, cùng tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh với giá chuyển nhượng bằng 515.175.000 đồng, hai bên có đến phòng công chứng Trần Văn K1 ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật, bà đã nhận đủ số tiền bằng 515.175.000 đồng của ông Trương Ngân G.

Nay bà Kim Thị C thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao 02 thửa đất nói trên cho ông Trương Ngân G được trọn quyền sử dụng. Trường hợp hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất không thực hiện được thì bà thống nhất trả lại số tiền đã nhận cho ông Trương Ngân G.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự có người đại diện là ông Thạch P trình bày và có yêu cầu như sau: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nhận được 11 Quyết định công nhận kết quả hòa giải đối thoại thành tại Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh vào các ngày 05/7/2023 và ngày 10/7/2023 và 01 Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh về việc bà Kim Thị C phải có trách nhiệm trả tiền hụi cho các nguyên đơn với tổng số tiền là 397.060.000 đồng. Sau khi xác minh điều kiện Thi hành án của bà Kim Thị C thì bà C có tài sản là 02 thửa đất số 216 và 682 loại đất trồng lúa đủ điều kiện Thi hành án cho các nguyên đơn. Tuy nhiên, đối với 02 thửa đất này thì vào ngày 22/06/2023 bà Kim Thị C đã thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Trương Ngân G, mục đích tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ Thi hành án.

Để đảm bảo cho việc Thi hành án đối với 11 quyết định công nhận kết quả hòa giải đối thoại thành tại Tòa án và 01 Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành đề nghị Tòa án tuyên không chấp nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/6/2023 giữa bà Kim Thị C với ông Trương Ngân G.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 16/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 117, 124, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 188, Điều 203 Luật đất đai. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngân G.

Chấp nhận yêu cầu của ông Thạch P người đại diện hợp pháp của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/6/2023 giữa bà Kim Thị C với ông Trương Ngân G, thuộc 02 thửa đất số 682, diện tích 1.130m², tờ bản đồ số 10 và thửa số 216, diện tích 2.304,5m², tờ bản đồ số 41 loại đất trồng lúa, cùng tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Kim Thị C, tự nguyện trả lại cho ông Trương Ngân G số tiền chuyển nhượng đất bằng 515.175.000 đồng.

Buộc ông Trương Ngân G trả lại cho bà Kim Thị C 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 682 và thửa số 216.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự theo

quy định của pháp luật.

Ngày 30/05/2024, ông Trương Ngân G có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 16/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Trương Ngân G với bà Kim Thị C.

Ngày 30/05/2024, bà Kim Thị C có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 16/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Kim Thị C với ông Trương Ngân G.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo; bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa không có gởi cho Tòa án cấp phúc thẩm văn bản trình bày nào khác so với ý kiến trình bày ở cấp sơ thẩm có trong hồ sơ vụ án; các đương sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến trình bày bổ sung của người đại diện cho nguyên đơn:

Nguyên đơn ngoài việc suất tiền ra để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Ngân hàng và trả lại tiền còn dư cho bà C Thì ông G còn bỏ ra số tiền 6.250.000 đồng đóng thuế trước bạ cho việc thực hiện hợp đồng; việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng là trước ngày tòa án ban hành 12 Quyết định; Số tiền 515.175.000 đồng đã sử dụng cho việc chuộc giấy đỏ của bà C Từ Ngân hàng ra khoảng 200.000.000 đồng, chuộc giấy đất cho anh rể của bà C (do bà C mượn giấy chứng nhận của anh rể đi thế chấp Ngân hàng) khoảng 100.000.000 đồng; trừ tiền bà C còn thiếu ông G khoảng 185.000.000 đồng, như vậy số tiền trên bằng số tiền ký kết hợp đồng, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm và thi hành án cho rằng bà C tẩu tán tài sản cho ông G là không đúng. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của ông G sử án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn: Qua các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy:

Kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đều không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, việc bà Kim Thị C chuyển nhượng 02 thửa đất cho ông G là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành 12 quyết định của Tòa án.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 16/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, theo hướng đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo; bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Ngân G, của bị đơn bà Kim Thị C là còn trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của đương sự:

[2.1] *Xét kháng cáo của nguyên đơn:* Nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn với bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 26/6/2023 giữa ông Trương Ngân G với bà Kim Thị C có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 682, diện tích 1.130m², tờ bản đồ số 10 và thửa số 216, diện tích diện tích 2.304,5m², tờ bản đồ số 41, loại đất trồng lúa, cùng tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (*sau đây gọi tắt là thửa đất số 216 và thửa 682*), đúng theo mẫu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Nhà nước quy định, bà Kim Thị C cũng thừa nhận ông G đã giao đủ số tiền bằng 515.175.000 đồng cho bà Kim Thị C nhận. Tuy nhiên, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Kim Thị C với ông Trương Ngân G bị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C trả hồ sơ, không thực hiện do nhận được Công văn số 674/CCTHADS ngày 21/07/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành về việc tạm dừng các giao dịch dân sự liên quan đến 02 thửa đất trên. Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 19/6/2023 và ngày 24/6/2023 (trước ngày bà Kim Thị C chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trương Ngân G), Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã thụ lý giải quyết hòa giải đối thoại thành tại Tòa án 11 vụ việc vào ngày 05/7/2023, ngày 10/7/2023 và 01 Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 28/8/2023, theo đó, bà Kim Thị C phải có trách nhiệm trả nợ tiền hui cho các nguyên đơn với tổng số tiền là 397.060.000 đồng. Như vậy, cho thấy bà Kim Thị C là người biết rõ nghĩa vụ thi hành án của mình như cố tình ký hợp đồng chuyển nhượng đối với 02 thửa đất trên cho ông Trương Ngân G là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Còn ông Trương Ngân G cũng muốn cản trừ được 01 phần tiền bà C nợ ông, cho nên dẫn đến việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng.

Cho nên, ngày 21/7/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành ban hành Công văn số: 674/CCTHADS về việc tạm dừng giao dịch dân sự liên quan đến 02 thửa đất số 216 và 682 là có căn cứ, đúng quy định. Ngày 24/7/2023 Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ra thông báo số: 1535/TB-CNVPĐKĐĐ cho Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành về việc trả hồ sơ từ chối thực hiện biến động đất đai của

ông Trương Ngân G về 02 thửa đất chuyển nhượng của bà Kim Thị C. Ngày 27/12/2023 Chi cục Thi hành án dân sự ban hành Quyết định số: 08/QĐ-CCTHADS về việc kê biên 02 thửa đất số 216 và 628 của bà Kim Thị C để đảm bảo thi hành án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như đại diện cho nguyên đơn với bị đơn cũng thống nhất trường hợp không tiếp tục thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng thì phía bị đơn bà Kim Thị C cũng đồng ý hoàn trả lại tiền cho nguyên đơn. Cho nên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, tuyên buộc phía bị đơn bà Kim Thị C phải trả lại số tiền chuyển nhượng đất bằng 515.175.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] *Xét kháng cáo của bị đơn*: Như nhận định ở mục [2.1], việc bị đơn bà Kim Thị C yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng với ông Trương Giang N là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét thấy kháng cáo của nguyên đơn, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3]*Về án phí dân sự phúc thẩm*: Kháng cáo của ông Trương Ngân G và kháng cáo của bà Kim Thị C không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, ông G và bà C không thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm nên buộc ông Trương Ngân G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004096 ngày 31/05/2024 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;

Buộc bà Kim Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004097 ngày 31/05/2024 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[4] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Ngân G.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Kim Thị C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 16/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/6/2023 giữa bà Kim Thị C với ông Trương Ngân G đối với thửa đất số 682, diện tích 1.130m², tờ bản đồ số 10 và thửa số 216, diện tích 2.304,5m², tờ bản đồ số 41, cùng loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Kim Thị C, tự nguyện trả lại cho ông Trương Ngân G số tiền chuyển nhượng đất bằng 515.175.000 đồng (Năm trăm mười lăm triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Buộc ông Trương Ngân G có trách nhiệm trả lại cho bà Kim Thị C 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 682, diện tích 1.130m², tờ bản đồ số 10 và thửa số 216, diện tích 2.304,5m², tờ bản đồ số 41, cùng loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trương Ngân G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019023 ngày 22/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hoàn trả cho ông Trương Ngân G số tiền nộp tạm ứng án phí còn thừa bằng 12.303.500 đồng (Mười hai triệu ba trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0002779 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Buộc bà Kim Thị C phải chịu số tiền bằng 24.607.000 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Trương Ngân G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004096 ngày 31/05/2024 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;

Buộc bà Kim Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004097 ngày 31/05/2024 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Châu